

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2026/HS-ST

Ngày: 10-4-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Ngô Xuân Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Trần Minh T** (tên gọi khác: **S**), sinh năm 1988, tại tỉnh Đồng Nai; CCCD số: 075088001608; Nơi thường trú: **Số B, đường N, Tổ E, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Trần Văn T1** và bà **Nguyễn Thị Thanh H**; bị cáo có vợ tên **Nguyễn Thị Ngọc Á** và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 11/5/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2021, theo Bản án số 22/2023/HS-ST.

- Ngày 05/7/2023, bị Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xử phạt 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung

là 17 năm tù theo Bản án số 09/2023/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù theo Bản án số 22/2023/HS-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2021.

- Ngày 25/9/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 19 năm tù, theo Bản án số 52/2024/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án số 09/2023/HS-ST ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2021.

Hiện nay, bị cáo **Trần Minh T** đang chấp hành án tại **Trại giam A - Bộ C2**, có mặt.

2. **Nguyễn Ánh K** (tên gọi khác: **D1**), sinh năm 1965 tại Thành phố Hồ Chí Minh; CCCD số: 079065001296; Nơi thường trú: **Số A, đường P, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 07/12; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn M** (đã chết) và bà **Nguyễn Thị Đ** (đã chết); bị cáo có vợ tên **Nguyễn Thị H1** và có 02 người con (lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1994); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 11/5/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, theo Bản án số 22/2023/HS-ST.

- Ngày 05/7/2023, bị Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xử phạt 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 năm tù, theo Bản án số 09/2023/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù theo Bản án số 22/2023/HS-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2021.

- Ngày 25/9/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 20 năm tù theo Bản án số 52/2024/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án số 09/2023/HS-ST ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2021.

- Ngày 16/6/2025, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài

liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù theo Bản án số 42/2025/HS-ST. Ngày 25/8/2025, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án số 33/2024/HS-ST ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2021.

Hiện nay bị cáo, **Nguyễn Ánh K** đang bị tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam số 02 - **Công an tỉnh T**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Trương C**, sinh năm 1965; địa chỉ: **Số C, đường L, phường N, Thành phố Cần Thơ**, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương C: Luật sư **Mac Minh Q** - thuộc **Công ty L** - **Đoàn luật sư Thành phố H**; địa chỉ: **Số D, N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**, có mặt.

2. Bà **Lý Tú P**, sinh năm 1967; địa chỉ: **Số C, đường L, phường N, Thành phố Cần Thơ**, có mặt.

3. Ông **Lê Phúc T2**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Số D, đường H, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.

4. **Văn phòng C3**; trụ sở: **Áp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long**, vắng mặt.

5. **Văn phòng công chứng Thành Phố M**; trụ sở: **Lô G, khu phố T, đường L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.

6. Bà **Hồ Thị S1**, sinh năm 1958; địa chỉ: **Số D, ấp D, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Hiện đang chấp hành án tại **Trại giam S2** – **Công an Thành phố C**, vắng mặt.

7. Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1976; địa chỉ: **Số B, ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh**. Hiện đang chấp hành án tại **Trại giam K1** – **Bộ C2**, vắng mặt.

8. Ông **Lê Văn P1**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Tổ F, ấp X, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh**. Hiện đang chấp hành án tại **Trại giam K1** – **Bộ C2**, vắng mặt.

9. Bà **Thới Thị Ni T4**, sinh năm 1972; địa chỉ: **Số C, Lô C, chung cư H, đường K, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh**. Hiện đang chấp hành án tại **Trại giam C4** – **Bộ C2**, vắng mặt.

10. Bà **Võ Thị Kim D**, sinh năm 1971; địa chỉ: **Số C, đường L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.

11. Ông **Trần Vũ D1**, sinh năm 1944; địa chỉ: **Số A, N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông **Trương C** là chủ sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 180m² thuộc thửa đất số 520, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, số vào sổ cấp GCN: CS07501 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 04/5/2020.

Ngày 30/3/2021, bà **Lý Tú P** (vợ ông **Trương C**) ký Hợp đồng ủy quyền cho ông **Trương C** được toàn quyền sử dụng thửa đất số 520, tờ bản đồ số 68. Mục đích để ông **C** được quyền chuyển nhượng thửa đất số 520.

Đến khoảng tháng 4/2021, ông **Trương C** thông qua người môi giới (không xác định được nhân thân, lai lịch) đăng thông tin bán thửa đất số 520 trên các trang mạng xã hội (**Z**, Facebook). **Trần Minh T** biết được thông tin thửa đất số 520 của ông **C** có vị trí đẹp, giá trị cao, dễ chuyển nhượng hoặc thế chấp nên nảy sinh ý định đánh tráo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Trương Cường**.

Thực hiện ý định trên, **Trần Minh T** bàn bạc với **Nguyễn Ánh K** làm giả các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 520, giấy chứng minh nhân dân tên ông **Trương C**, sổ hộ khẩu, hợp đồng ủy quyền để đánh tráo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 520 của ông **C**. **K** có nhiệm vụ làm giả các giấy tờ nêu trên còn **T** tìm người đóng giả ông **Trương C**, thuê người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm các thủ tục nhận chuyển nhượng thửa đất số 520. Sau khi hoàn thành được thủ tục ra tên người khác đối với thửa đất số 520 thì **T** sẽ thế chấp hoặc chuyển nhượng thửa đất số 520 của ông **C** để lấy tiền chia nhau tiêu xài.

Sau khi bàn bạc thống nhất, **T** giao cho **K** 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) để **K** thuê làm giả các giấy tờ liên quan thửa đất số 520 và thuê người đánh tráo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của ông **C**.

K thuê người phụ nữ tên **Q1** (không xác định được nhân thân, lai lịch) cùng các đối tượng (khoảng 3,4 người) hẹn ông **C** đến vị trí thửa đất số 520 tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại đây, nhóm của **Q1** giả vờ mua đất, yêu cầu ông **C** cho xem bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 520, chứng minh nhân dân của ông **C**, sổ hộ khẩu và hợp đồng ủy quyền của bà **P** cho ông **C** ngày 30/3/2021. **Q1** dùng điện thoại di động chụp hình lại các giấy tờ trên rồi gửi cho **K** để đặt làm giả các giấy tờ trên.

K lên mạng tìm kiếm, liên hệ người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch) đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 tên ông **Trương C** với giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Khoảng 05 ngày sau, **K** nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 520 giả. Kiệt giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho **Q1** để nhóm của **Q1** thực hiện việc tráo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của ông **C**.

Q1 liên hệ với ông **C** với lý do mua thửa đất số 520, yêu cầu ông **C** mang giấy tờ đất cho **Q1** xem thì ông **C** đồng ý. Sau đó, **K** chở **Q1** đến vị trí thửa đất số 520, còn **K** đi uống cà phê. Tại đây, **Q1** cùng nhóm của **Q1** (khoảng 3,4 người) yêu cầu ông **C** cho xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 520 thật. Nhóm của **Q1** giả vờ dùng dây thước đo đạc thửa đất số 520 trong khoảng 30 phút, lợi dụng lúc ông **C** không để ý đã đánh tráo giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 520 thật của ông **C** và đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **C**. Sau khi lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật, **Q1** giao lại cho **T**.

Trung liên hệ với **Hồ Thị S1** (tên gọi khác là **Nguyễn Thị Ngọc Á**) yêu cầu **S1** tìm thuê 01 (một) người đàn ông đóng giả ông **Trương C** với giá là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). **Hồ Thị S1** nói với **Nguyễn Văn T3** tìm người theo yêu cầu của **T**. **T3** thuê được **Lê Văn P1** đóng giả ông **Trương C** với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Khoảng đầu tháng 5/2021, **Hồ Thị S1**, **Nguyễn Văn T3**, **Lê Văn P1** hẹn gặp nhau tại **bến xe C**, địa chỉ: **Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**. **S1** sử dụng xe mô tô (không rõ biển số) chở **P1** đến gặp **Nguyễn Ánh K** (không xác định được địa điểm) để **K** lấy dấu vân tay và hình 2x3 của **P1** mục đích là để làm giả chứng minh nhân dân ông **C** có dấu vân tay và hình của **P1**. Sau đó, **K** liên hệ một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đặt làm giả giấy chứng minh nhân dân tên **Trương C** với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng); Hợp đồng ủy quyền ngày 30/3/2021 với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng); sổ hộ khẩu hộ ông **Trương C** với giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Sau khi làm giả được các giấy tờ nhân thân của ông **C**, lấy được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 và thuê được **Lê Văn P1** đóng giả ông **C**, Trung liên hệ với **Thới Thị Ni T4** để thuê người nhận ủy quyền và người đứng tên thửa đất số 520 với giá 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). **T** giao cho Tân 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), **T4** liên hệ với **Võ Thị Kim D** để tìm thuê 02 (hai) người đàn ông với giá 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). **D** thuê **Trần Vũ D1** làm người nhận ủy quyền thửa đất số 520 và thuê **Lê Phúc T2** làm người đứng tên nhận chuyển nhượng thửa đất số 520.

Ngày 22/5/2021, **Trần Minh T**, **Nguyễn Ánh K** cùng **Hồ Thị S1**, **Lê Văn P1**, **Thới Thị Ni T4**, **Trần Vũ D1** đến Văn phòng C3, địa chỉ: **Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre** (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) để **Lê Văn P1** (giả ông **Trương C**) ký Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1664 có nội dung ông **Trương C** ủy quyền toàn quyền sử dụng thửa đất số 520 cho **Trần Vũ D1**. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, **Nguyễn Ánh K** đã hủy bỏ các tài liệu giả như chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, hợp đồng ủy quyền ngày 30/3/2021.

Ngày 24/5/2021, **Nguyễn Ánh K** cùng **Trần Vũ D1**, **Lê Phúc T2** và **Thới Thị Ni T4** đến Văn phòng C Mới tỉnh Bình Dương để **Trần Vũ D1** ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 009777 có nội dung **Trần Vũ D1** chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 520 cho **Lê Phúc T2**. Ngày 02/6/2021, **Lê Phúc T2** được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T,

tỉnh Bình Dương cập nhật nhận chuyển nhượng thửa đất số 520 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS 07501.

Sau khi sang tên thửa đất số 520 từ ông Trương C cho Lê Phúc T2, Trần Minh Trung liên hệ T yêu cầu T2 đi làm thủ tục xác nhận độc thân để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 520 cho người khác nhưng T2 từ chối.

Ngày 10/6/2021, ông Trương C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 520 cho ông Nguyễn Hữu B tại Văn phòng C5 thì bị phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 là giả.

Ngày 12/6/2021, Trần Minh T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S bắt quả tang về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S khám xét, thu giữ của Trần Minh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 mang tên Lê Phúc T2. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 cho ông Trương Cường. Ngày 15/3/2023, ông Trương C giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Quá trình điều tra:

- Trần Vũ D1 khai: Võ Thị Kim D thuê ông D1 nhận ủy quyền và ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 520 cho Lê Phúc T2 với giá 1.000.000đ (một triệu đồng). Ông D1 không mua bán, nhận ủy quyền, chuyển nhượng cho T2 liên quan đến thửa đất số 520. Ông D1 không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 là do T và K đánh tráo mà có được.

- Lê Phúc T2 khai được Võ Thị Kim D thuê đứng tên nhận chuyển nhượng trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/5/2021, số công chứng 009777 với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng). Ông T2 không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 520 là do T và K đánh tráo mà có được.

Bản kết luận giám định số 425 ngày 08/10/2021 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07501 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2020 tên ông Trương C là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Kết luận giám định số 231 ngày 22/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay mang tên “Lê Phúc T2” và chữ viết có nội dung “tôi đã đọc và đồng ý” trên 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/5/2021, số công chứng 009777 do Văn phòng C Mới công chứng so với chữ ký, chữ viết và dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải của Lê Phúc T2 trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký, viết và in ra.

- Ngày 15/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B thu giữ 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS07501 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2020 tên ông Trương C (cập nhật biến động chuyển nhượng cho Lê Phúc T2 ngày 02/6/2021).

Tại Bản Cáo trạng số 113/CT-VKSBD-P1 ngày 31/5/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Ánh K** về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh được sự phân công của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản cáo trạng, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Ánh K**. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Trần Minh T** mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt đối với **Trần Minh T** theo quy định.

- Xử phạt bổ sung bị cáo **Trần Minh T** từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ánh K** mức hình phạt từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt đối với **Nguyễn Ánh K** theo quy định.

- Xử phạt bổ sung bị cáo **Nguyễn Ánh K** từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự và Biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Hủy Hợp đồng ủy quyền số 1664, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2021 tại **Văn phòng C3** giữa bên ủy quyền **Trương C** với bên nhận ủy quyền **Trần Vũ D1**.

- Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 009777, quyền số 05-2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2021 tại **Văn phòng C** Mới giữa bên chuyển nhượng **Lý Tú P**, **Trương C** (do **Trần Vũ D1** đại diện) với bên nhận chuyển nhượng **Lê Phúc T2**.

- Trả lại cho ông **Trương C** bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, sổ vào sổ cấp GCN: CS07501 cấp ngày 04/5/2020; Ngày 02/6/2021, đăng ký biến động chuyển nhượng cho ông **Lê Phúc T2**.

- Buộc **Trần Vũ D1** nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc **Lê Phúc T2** nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo **Trần Minh T** trình bày ý kiến tranh luận: Bị cáo đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát, không có tranh luận gì thêm.

Bị cáo **Nguyễn Ánh K** trình bày ý kiến tranh luận: Bị cáo đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát, không có tranh luận gì thêm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông **Trương C** trình bày: Ông **Trương C** là chủ sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 180m² thuộc thửa đất số 520, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, số vào sổ cấp GCN: CS07501 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 04/5/2020. Lợi dụng việc ông **Trương C** đăng tin chuyển nhượng thửa đất số 520, các bị cáo đã đánh tráo bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của thửa đất số 520 và sử dụng các giấy tờ giả về nhân thân của ông **Trương C1** để ký Hợp đồng ủy quyền số 1664, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2021 tại **Văn phòng C3** giữa bên ủy quyền **Trương C** với bên nhận ủy quyền **Trần Vũ D1** và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 009777, quyền số 05-2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2021 tại **Văn phòng C** Mới giữa bên chuyển nhượng **Lý Tú P, Trương C** (do **Trần Vũ D1** đại diện) với bên nhận chuyển nhượng **Lê Phúc T2**. Việc các bị cáo dùng giấy tờ giả để ký các hợp đồng trên là vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Hợp đồng ủy quyền số 1664, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2021 tại **Văn phòng C3** và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 009777, quyền số 05-2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2021 tại **Văn phòng công chứng Thành Phố M**; hủy phần đăng ký biến động ngày 02/6/2021 chuyển nhượng cho **Lê Phúc T2** trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, số vào sổ cấp GCN: CS07501 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 04/5/2020 và trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trương Cường**. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu Hội đồng xét xử xét xử nghiêm đối với các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lý Tú P** trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông **Trương Cường**.

Bị cáo **Trần Minh T** nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và không phạt bổ sung vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn.

Bị cáo **Nguyễn Ánh K** nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và không phạt bổ sung vì gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Ánh K** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người làm chứng, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Xuất phát từ động cơ tư lợi và biết được ông **Trương C** có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất số 520, tờ bản đồ số 68 tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Khoảng tháng 4/2021, tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, **Trần Minh T** và **Nguyễn Ánh K** có hành vi thuê người tiếp cận ông **Trương C** giả vờ hỏi mua thửa đất số 520 nhằm mục đích lấy thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đánh tráo lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của ông **Trương Cường**. Sau khi tráo được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông **Trương C**, các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Ánh K** đã thuê người làm giả giấy tờ cá nhân của ông **C**, rồi dùng các giấy tờ giả để thực hiện hành vi chuyển nhượng thửa đất số 520 từ ông **Trương C** sang tên qua nhóm của **K** thuê nhằm mục đích thế chấp hoặc chuyển nhượng thửa đất số 520 cho người khác để có tiền chia nhau tiêu xài.

Hành vi sử dụng giấy tờ giả gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, số vào sổ cấp GCN: CS07501 cấp ngày 04/5/2020; hợp đồng ủy quyền của bà **Lý Tú P** cho ông **C** ngày 30/3/2021 và các giấy tờ cá nhân của ông **Trương C** mà các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Ánh K** thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo **Trần Minh T**, **Nguyễn Ánh K** có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, đồng thời làm xấu tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt chính: Bị cáo **Trần Minh T** là người chủ mưu, có hành vi khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo **Nguyễn Ánh K** thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt với mức hình phạt nghiêm, cao hơn bị cáo **Nguyễn Ánh K**.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do đó, để đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt chính mà Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên chấp nhận. Đối với mức hình phạt bổ sung là cao nên xử nhẹ hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Ngày 25/9/2024, bị cáo **Trần Minh T** bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 19 năm tù, theo Bản án số 52/2024/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án số 09/2023/HS-ST ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2021. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án nêu trên đối với bị cáo **Trần Minh T**.

[10] Ngày 25/9/2024, bị cáo **Nguyễn Ánh K** bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung cho hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành 20 năm tù theo Bản án số 52/2024/HS-ST. Tổng hợp Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2023/HS-ST ngày 05/7/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã tuyên 30 năm tù, buộc bị cáo **Nguyễn Ánh K** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2021.

Ngày 16/6/2025, bị cáo **Nguyễn Ánh K** bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 15 năm tù theo Bản án số 42/2025/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 30 năm tù của Bản án hình sự phúc thẩm số 33/2024/HS-PT ngày 18/01/2024 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại **Thành phố H** buộc bị cáo **K** chấp

hành hình phạt chung của hai bản án là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2021.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án số 52/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Bản án số 42/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đối với bị cáo **Nguyễn Ánh K.**

[11] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[11.1] Hủy Hợp đồng ủy quyền số 1664, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2021 tại **Văn phòng C3** giữa bên ủy quyền **Trương C** với bên nhận ủy quyền **Trần Vũ D1**.

[11.2] Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 009777, quyền số 05-2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2021 tại **Văn phòng C** Mới giữa bên chuyển nhượng **Lý Tú P, Trương C** (do **Trần Vũ D1** đại diện) với bên nhận chuyển nhượng **Lê Phúc T2**.

[11.3] Hủy giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, số vào sổ cấp GCN: CS07501 cấp ngày 04/5/2020 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 04/5/2020 cho ông **Trương C**; ngày 02/6/2021 cập nhật nội dung chuyển nhượng cho ông **Lê Phúc T2**, sinh năm 1969; CCCD số 079069013555, địa chỉ thường trú: **5 P, phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh**; theo hồ sơ số 008552.

[11.4] Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 520, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại **phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)** cho ông **Trương Cường**.

[11.5] Trả lại cho ông **Trương C** bản chính giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, số vào sổ cấp GCN: CS07501 cấp ngày 04/5/2020 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 04/5/2020 cho ông **Trương C**; ngày 02/6/2021 cập nhật nội dung chuyển nhượng cho ông **Lê Phúc T2**. Ông **Trương C** được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[11.6] Buộc **Trần Vũ D1** nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[11.7] Buộc **Lê Phúc T2** nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[11.8] Quá trình điều tra, ông **Trương C** không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[11.9]. Đối với giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, số vào sổ cấp GCN: CS07501 cấp ngày 04/5/2020 do **Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B** cấp ngày 04/5/2020 cho ông **Trương C** thu giữ của ông **Trương C** là giả nên lưu giữ trong hồ sơ vụ án tại Bút lục số 41.

[12] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra làm rõ vai trò đồng phạm của Thới Thị Ni T4, Hồ Thị S1, Nguyễn Văn T3, Lê Văn P1, Võ Thị Kim D, Trần Vũ D1, Lê Phúc T2 và đối tượng Q1 tuy nhiên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa thực hiện. Do đó, kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của các đối tượng Thới Thị Ni T4, Hồ Thị S1, Nguyễn Văn T3, Lê Văn P1, Võ Thị Kim D, Trần Vũ D1, Lê Phúc T2, đối tượng tên Q1 và xử lý khi có căn cứ.

[13] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 106, 136, 260, 290, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Trần Minh T, Nguyễn Ánh K phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo Trần Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Trần Minh T phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/7/2021.

- Xử phạt bổ sung bị cáo Trần Minh T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

2.2. Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ánh K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt 30 năm tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Nguyễn Ánh K phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2021.

- Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ánh K số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1. Hủy Hợp đồng ủy quyền số 1664, quyền số 01/2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/5/2021 tại Văn phòng C3 giữa bên ủy quyền Trương C với bên nhận ủy quyền Trần Vũ D1.

3.2. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 009777, quyền số 05-2021TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2021 tại Văn phòng C Mới giữa bên chuyển nhượng Lý Tú P, Trương C (do Trần Vũ D1 đại diện) với bên nhận chuyển nhượng Lê Phúc T2.

3.3. Hủy giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, sổ vào sổ cấp GCN: CS07501 cấp ngày 04/5/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2020 cho ông Trương C; ngày 02/6/2021 cập nhật nội dung chuyển nhượng cho ông Lê Phúc T2, sinh năm 1969; CCCD số 079069013555, địa chỉ thường trú: 5 P, phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; theo hồ sơ số 008552.

3.4. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 520, tờ bản đồ số 68, tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cho ông Trương Cường .

3.5. Trả lại cho ông Trương C bản chính giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV251627, sổ vào sổ cấp GCN: CS07501 cấp ngày 04/5/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/5/2020 cho ông Trương C; ngày 02/6/2021 cập nhật nội dung chuyển nhượng cho ông Lê Phúc T2. Ông Trương C được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 124.24 ngày 03/6/2024, giữa Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B)

3.6. Buộc Trần Vũ D1 nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000đ (một triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3.7. Buộc Lê Phúc T2 nộp số tiền thu lợi bất chính là 2.000.000đ (hai triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PV06);
- THA hình sự CATP. Hồ Chí Minh (PC10);
- VKSND Khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

Vũ Thị Nga